TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/DSST
Ngày: 02-04-2026

Về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

2. Bà Ngô Thị Thúy Hảo

-Thư ký phiên toà: Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 385/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025 về " Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXX- ST ngày 16 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: /2026/QĐHPT-ST ngày 06 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S.

Trụ sở: Số B đường N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T, chức vụ: Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh M, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng TMCP S – chi nhánh B – phòng G.(vắng mặt)

Người được ủy quyền lại: Bà Ngô Thị Thu T1, chức vụ: Chuyên viên khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh B – Phòng G.(có đơn xin xét xử vắng mặt)

2.*Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Địa chỉ: 7 đường N, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10-7-2025, trong quá trình tố tụng Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Ngô Thị Thu T1 trình bày:

Căn cứ vào Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 27-10-2023 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H và Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B - P (gọi tắt là Ngân hàng), với mục đích là vay tiêu dùng cá nhân. Chi tiết như sau:

Loại thẻ	**Số thẻ**	**Số tài khoản thẻ**	**Hạn mức**	**Lãi suất áp dụng**
VISA	472074 – 6446	352918169	30.000.000	33.2%/năm

Bà Nguyễn Thị Ngọc H đã sử dụng hạn mức thẻ tín dụng được cấp để vay tiêu dùng từ thẻ cụ thể như sau

- Số tài khoản thẻ vay tiêu dùng từ thẻ: 3639154230
- Số thẻ: 211251-3852
- Số tiền vay tiêu dùng từ thẻ 27.000.000 đồng, kỳ hạn 24 tháng, lãi suất: 2.688%/tháng
- Lãi suất thẻ: 33.2%/năm; Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn (Mục 1.24 về lãi suất)
- Mục đích sử dụng thẻ tín dụng là vay tiêu dùng cá nhân

Tổng số tiền dư nợ gốc và lãi quá hạn đến ngày 01-4-2026 là **29.409.670 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi chín triệu bốn trăm lẻ chín ngàn sáu trăm bảy mươi đồng). Chi tiết như sau:

Dư nợ quá hạn	**18.143.800 đồng**
Lãi quá hạn	**11.265.870 đồng**
Tổng	**29.409.670 đồng**

Tổng số tiền nợ trên chưa tính lãi, phí phát sinh sau ngày 01-04-2026 cho đến khi bà Nguyễn Thị Ngọc H hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Khách hàng được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, khách hàng được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, trong suốt quá trình sử dụng 01 khoản thẻ tín dụng bà Nguyễn Thị Ngọc H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 42.448.995 đồng (bao gồm số tiền vay tiêu dùng, lãi, phí)

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Mục 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu các khoản phí theo quy định trong Mục 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (Chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.)

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà Nguyễn Thị Ngọc H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 14.868.200 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm)

Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Mục 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Và tại M - Thông báo của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng T2 về việc sẽ thông báo về các giao dịch, lãi, phí …mà bà Nguyễn Thị Ngọc H sử dụng. Nếu bà Nguyễn Thị Ngọc H không phản hồi gì về các thông báo trên theo thời gian đã thỏa thuận thì bà Nguyễn Thị Ngọc H đã chấp nhận hết toàn bộ các các giao dịch, lãi, phí … không khiếu nại

Tuy nhiên, khi bà Nguyễn Thị Ngọc H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phía Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở qua tin nhắn, gọi điện thoại, tới trực tiếp nhà, gửi thư thông báo nhắc nợ nhưng bà Nguyễn Thị Ngọc H vẫn trốn tránh và không có thiện chí trả nợ. Do bà Nguyễn Thị Ngọc H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Mục 18 & 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Đến ngày 25-12-2024, bà Nguyễn Thị Ngọc H vẫn không thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (khoản 23.4 mục 23 về Vi phạm và Mục 13 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ - mục 1.10 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng **(**các khoản mà khách hàng đã giao dịch nhưng không thanh toán cùng các loại phí, phí trễ hạn, phí vượt hạn mức) tại thời điểm từ ngày 25-12-2024 đến ngày 01-04-2026 là 18.143.800 đồng thành dư nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố - mục 1.24 và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Trong đó, tổng dư nợ quá hạn là 18.143.800 đồng, phí trễ hạn là 720.000 đồng, lãi quá hạn từ ngày 25-12-2024 đến ngày 01-04-2026 là 11.265.870 đồng.

Số tiền còn thiếu tính đến thời điểm 01-04-2026 là 29.409.670 đồng, cụ thể:

+ Dư nợ quá hạn tính đến ngày 01-04-2026 là: 18.143.800 đồng
+ Việc tính lãi quá hạn được tính trên cơ sở như sau:

Lãi vay tiêu dùng là 2.688%/tháng; Lãi quá hạn: 2.688%/tháng x 150% = 4.032%/tháng

Số tiền lãi quá hạn 1 ngày: 18.143.800 đồng * (4.032%/30) = 24.385 đồng

Số ngày lãi quá hạn từ ngày 25-12-2024 đến ngày 01-04-2026 là 462 ngày

Lãi quá hạn: 24.385 đồng* 462 ngày = 11.265.870 đồng

⇨ Tổng số tiền phải trả cho ngân hàng tính đến thời điểm 01-04-2026 đối với khoản vay thẻ tín dụng là 29.409.670 đồng (Bằng chữ: Hai mươi chín triệu bốn trăm lẻ chín ngàn sáu trăm bảy mươi đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần cố gắng liên lạc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà Nguyễn Thị Ngọc H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết:

Buộc Bà Nguyễn Thị Ngọc H thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh B - Phòng G Tam toàn bộ gốc, lãi phát sinh cụ thể như sau:

+ Dư nợ quá hạn bao gồm dư nợ gốc & phí trễ hạn & lãi đến ngày 01-04-2026 là 18.143.800 đồng (Bằng chữ: Mười tám triệu một trăm bốn mươi ba ngàn tám trăm đồng)

+ Lãi quá hạn đến ngày 01-04-2026 là 9.436.995 đồng (Bằng chữ: Chín triệu bốn trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm chín mươi lăm đồng)

Tổng cộng dư nợ quá hạn (đến ngày 01-04-2026) là 29.409.670 đồng (Bằng chữ: Hai mươi chín triệu bốn trăm lẻ chín ngàn sáu trăm bảy mươi đồng).

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Ngọc Hằng phải thanh toán toàn bộ các chi phí phát sinh sau ngày 01-04-2026 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký cho đến khi Bà Nguyễn Thị Ngọc Hằng thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

2. Bị đơn- bà Nguyễn Thị Ngọc H trong suốt quá trình tố tụng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do.

3.*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến*:

3.1.Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định pháp luật tố tụng, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

3.2.Về nội dung: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S, buộc bà H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh như yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về tố tụng*: Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện“ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà H nơi cư trú tại phường V nên xác định đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 35 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên và Luật hòa giải, đối thoại tòa án.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc H, cung cấp địa chỉ tại 7 đường N, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.Tòa đã tống đạt giấy triệu tập hợp lệ yêu cầu bà H đến Tòa để giải quyết vụ án, hòa giải, xét xử.Tuy nhiên, bà H vẫn vắng mặt.Tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn.

[2]. *Về nội dung*: Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S. Ngày 27-10-2023, bà Nguyễn Thị Ngọc H và Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B - P (gọi tắt là Ngân hàng) đã ký kết hợp đồng, với mục đích là vay tiêu dùng cá nhân. Chi tiết như sau:

Loại thẻ	**Số thẻ**	**Số tài khoản thẻ**	**Hạn mức**	**Lãi suất áp dụng**
VISA	472074 – 6446	352918169	30.000.000	33.2%/năm

- Số tiền vay tiêu dùng từ thẻ 27.000.000 đồng, kỳ hạn 24 tháng, lãi suất: 2.688%/tháng
- Lãi suất thẻ: 33.2%/năm; Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn (Mục 1.24 về lãi suất)

Trong suốt quá trình sử dụng thẻ tín dụng bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 42.448.995 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 14.868.200 đồng. Tổng số tiền dư nợ gốc và lãi quá hạn tính đến ngày 01-4-2026 là 29.409.670 đồng (Bằng chữ: Hai mươi chín triệu bốn trăm lẻ chín ngàn sáu trăm bảy mươi đồng). Chi tiết như sau:

Dư nợ quá hạn	18.143.800 đồng
Lãi quá hạn	11.265.870 đồng
Tổng	29.409.670 đồng

- +/ Xét về số nợ gốc, nợ lãi theo yêu cầu của nguyên đơn nêu trên, thấy:

Theo các điều khoản của hợp đồng mở và sử dụng thẻ tín dụng đã ký, bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Mục 18 và 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 25-12-2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, và chuyển toàn bộ dư nợ bà H còn thiếu tại thời điểm này số tiền là **18.143.800 đồng** sang Nợ quá hạn (khoản 23.4, mục 23 về Vi phạm và Mục 13 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ - mục 1.10 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng **(**các khoản mà khách hàng đã giao dịch nhưng không thanh toán cùng các loại phí, phí trễ hạn, phí vượt

hạn mức) tại thời điểm từ ngày 25-12-2024 đến ngày 01-04-2026 là 18.143.800 đồng thành dư nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố - mục 1.24 và áp dụng tại thời điểm hiện tại) với thời gian vi phạm theo đúng các thoả thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã cam kết, cũng như các quy định của Ngân hàng N1 tại từng thời điểm và phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Như vậy, đã đủ căn cứ buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H phải thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 01-4-2026 là: 29.409.670 đồng (Bằng chữ: Hai mươi chín triệu bốn trăm lẻ chín ngàn sáu trăm bảy mươi đồng). Bao gồm:

Dư nợ quá hạn bao gồm dư nợ gốc & phí trễ hạn & lãi đến ngày 01-04-2026 là 18.143.800 đồng (Bằng chữ: Mười tám triệu một trăm bốn mươi ba ngàn tám trăm đồng)

+ Lãi quá hạn đến ngày 01-04-2026 là 9.436.995 đồng (Bằng chữ: Chín triệu bốn trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm chín mươi lăm đồng).

Và khoản lãi phát sinh từ ngày 02-4-2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

[3].Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng TMCP S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S v/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bà Nguyễn Thị Ngọc H .

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu,miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 01-4-2026 là: 29.409.670 đồng (Bằng chữ: Hai mươi chín triệu bốn trăm lẻ chín ngàn sáu trăm bảy mươi đồng). Chi tiết như sau:

Dư nợ quá hạn	18.143.800 đồng
Lãi quá hạn	11.265.870 đồng
Tổng	29.409.670 đồng

Kể từ ngày tiếp theo ngày 02-4-2026, bà Nguyễn Thị Ngọc H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.470.484 (Một triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn, bốn trăm tám mươi tư đồng).

+ Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 570.000đ (Năm trăm bảy mươi ngàn đồng) cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0039772 ngày 19-11-2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh .

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm,(đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP . HCM;
-Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, Tp .;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 11, Tp . ;
- Thi Hành án dân sự Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Hoàng Thị Cúc

Nơi nhận:
- Đương sự;
TÒA
- VKSND Tp.VT;
- Thi hành án dân sự tpVT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN

HOÀNG THỊ CÚC